TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2019
V/v "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Bà Lê Thị Hồng Chiến

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Lê Diễm T, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn*: anh Trà Hoài A, sinh năm 1993; địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 9 năm 2018, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Diễm T trình bày:

Chị và anh Trà Hoài A xây dựng hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, tổ chức lễ cưới năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B ngày 07/4/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình chị tại xã V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng chuyển đến sống cùng

gia đình anh A tại thị trấn B, đến giữa năm 2018 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh A sử dụng ma túy đá, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh A không chịu cai nghiện. Những lần anh A đi chơi về đều vô cớ chửi mắng, đánh đập chị và có lần anh A bóp cổ, dùng dao đe dọa tính mạng chị. Sau sự việc trên chị quá hoảng sợ nên về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay. Chị nhận thấy hôn nhân của chị và anh A đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trà Hoài A.

Về con chung: trong thời gian chung vợ chồng có 01 con chung là Trà Anh Q, sinh ngày 16/9/2017. Hiện nay cháu Q đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và chị tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2018, bị đơn anh Trà Hoài A trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Lê Diễm T cưới nhau năm 2016, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B ngày 07/4/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên sống ở nhà cha mẹ vợ tại xã V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng xảy ra bất hòa, nguyên nhân do cha vợ khó tính hay la mắng anh nên giữa anh và cha vợ có xảy ra tranh cãi. Chị T nghe lời cha vợ nên từ đó vợ chồng cũng xảy ra cự cãi bất hòa. Bên cạnh đó, chị T cho rằng anh còn sử dụng ma túy đá, anh nói đã bỏ ma túy rồi nhưng chị T không tin tưởng. Anh và chị T đã sống ly thân khoảng hơn 03 tháng nay, trong thời gian sống ly thân anh đã chủ động liên lạc với chị T để hàn gắn tình cảm nhưng chị T không đồng ý. Hiện nay anh vẫn còn thương vợ, con nên chị T yêu cầu ly hôn là anh không đồng ý.

Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trà Anh Q, sinh ngày 16/9/2017. Hiện nay cháu Q đang sống cùng chị T, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không tranh chấp.

Về nợ chung: không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại

các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó,vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: chị T và anh A có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị T và anh A là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải được, chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với anh A. Anh A cho rằng còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn nhưng anh A không có thiện chí hàn gắn. Do đó, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: hiện nay cháu Trà Anh Q chưa đủ 03 tuổi, đang sống cùng chị T, anh A đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: không tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trà Hoài A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: chị Lê Diễm T và anh Trà Hoài A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 07 tháng 4 năm 2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh A là hợp pháp.

[2.1] Xét thấy, về mâu thuẫn của vợ chồng, chị T cho rằng anh A sử dụng ma túy đá, mỗi khi lên cơn nghiện không làm chủ được bản thân nên có hành vi hành hung đánh đập chị nhiều lần, mặc dù chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh A không không chịu đi cai nghiện. Chị không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn. Riêng anh A cho rằng anh đã bỏ ma túy nhưng chị T không tin tưởng. Và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là xuất phát từ mâu thuẫn giữa

anh và cha vợ nhưng vợ chồng không có biện pháp giải quyết dung hòa cho đôi bên. Xét thấy, mặc dù chị T và anh A không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị T xin ly hôn nhưng thực tế giữa vợ chồng đã tồn tại mâu thuẫn mà hai bên không hòa giải được với nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Anh A cho rằng còn thương vợ, con không đồng ý ly hôn nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh A không tới lui thăm hỏi thể hiện thiện chí hàn gắn với chị T, và trong quá trình giải quyết vụ án anh A cũng vắng mặt. Qua đó, cho thấy anh A không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị T.

[2.2] Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng hạnh phúc gia đình và giữa vợ chồng phải thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng chị T và anh A đã không làm được những điều trên. Qua đó, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh A lâm vào mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh A là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Trà Anh Q, sinh ngày 16/9/2017. Hiện nay cháu Q chưa đủ 03 tuổi và đang sống cùng chị T, anh A cũng đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q. Do đó, xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Lê Diễm T phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận cho chị Lê Diễm T ly hôn với anh Trà Hoài A.

2. Về con chung: cháu Trà Anh Q, sinh ngày 16/9/2017.

Chị Lê Diễm T có quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trà Anh Q, sinh ngày 16/9/2017. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh Trà Hoài A cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trà Hoài A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Lê Diễm T phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0020100 ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phương Nhi